BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
*****

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH DU LỊCH 3

Số tín chỉ: 04
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Việt Nam học

Năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
KHOA DU LỊCH VÀ NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Việt Nam học

1. Tên học phần: Tiếng Anh du lịch 3

2. Mã học phần: TANH 019

3. Số tín chỉ: 4 (3,1)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 3

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 15 tiết thực hành.
- Tự học: 60 giờ.

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần TADL 2.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	Luongnn78@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần TADL 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Từ vựng: Các từ vựng liên quan đến nhà hàng, khách sạn, lữ hành, phương tiện giao thông, nơi lưu trú...

- Cấu trúc: Cách dùng câu mệnh lệnh, cách đưa ra yêu cầu, đề nghị, cách đặt câu hỏi trực tiếp, gián tiếp, cách thể hiện sự nuối tiếc, mong chờ...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói về các chủ đề liên quan giao tiếp tại các điểm du lịch, tại nhà hàng khách sạn, cách đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực du lịch...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	**Kiến thức**		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau:	3	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	Từ vựng: Các từ vựng liên quan đến nhà hàng, khách sạn, lữ hành, phương tiện giao thông, nơi lưu trú...		
MT2	**Kỹ năng**		
	Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói về các chủ đề liên quan giao tiếp tại các điểm du lịch, tại nhà hàng khách sạn, cách đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực du lịch...	3	[1.2.2.3]
MT3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ đã được giảng viên phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	**Kiến thức**		
CĐR1.1	Liệt kê được các từ vựng liên quan đến nhà hàng, khách sạn, lữ hành, phương tiện giao thông, nơi lưu trú...	3	[2.1.2]
CĐR1.2	Đặt câu và vận dụng từ vựng vào giao tiếp.	3	[2.1.2]
CĐR2	**Kỹ năng**		
CĐR2.1	Phát âm đúng các từ vựng liên quan đến chuyến đi, khách sạn, ăn uống, hoạt động tại các điểm du lịch, vui chơi giải trí….	3	[2.2.6]
CĐR2.2	Nghe hiểu các đoạn hội thoại các chủ đề liên quan giao tiếp tại các điểm du lịch, tại nhà		

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	hàng khách sạn, cách đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực du lịch...		
CĐR2.3	Nói về các chủ điểm trong chương trình như đặt phòng, đặt tour, giao tiếp tại nhà hàng, cách đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề...		
CĐR3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả nhất.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần								
		CĐR1		CĐR2			CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
1	Part 1: Before the trip	3			3		4	4	4	4
2	Part 2: At the airport		3	3	3	3	4	4	4	4
3	Part 3: Being on board	3			3	3	4	4	4	4
4	Part 4: Arrive		3	3	3	3	4	4	4	4
5	Part 5: Accommodation	3		3	3	3	4	4	4	4
6	Part 6: Transportation			3	3	3	4	4	4	4
7	Part 7: Restaurants	3		3	3	3	4	4	4	4
8	Part 8: Shopping		3	3	3		4	4	4	4
9	Part 9: Entertaiment			3	3		4	4	4	4
10	Part 10: Communication	3		3	3		4	4	4	4
11	Part 11: Problem solving		3	3	3		4	4	4	4

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá *(Hình thức, thời gian, thời điểm)*	Chuẩn đầu ra của học phần			Ghi chú
					CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm chuyên cần	1 điểm	20%	- Phát vấn - Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá chuyên cần	CĐR1.1 CĐR1.2	CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4,	Điểm trung bình của các lần đánh giá

2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	- Vấn đáp 15 phút/ 1SV	CĐR1.1 CĐR1.2	CĐR2.1 CĐR 2.2 CĐR 2.3	CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	- Thi viết - Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp - Thời gian: 90 phút	CĐR1.1 CĐR1.2	CĐR2.1 CĐR 2.2 CĐR 2.3	CĐR3.1 CĐR3.2 CĐR3.3 CĐR3.4	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.

- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp (10 phút/1 SV).

- Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm kết hợp (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần

- Tài liệu bắt buộc:

[1]- Kiwi Cheng,2020, *Specialized English for Tourism,* NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. 2016.

- Tài liệu tham khảo:

[2] Robin Walker & Keith Harding, *Tourism careers 1,* Oxford University Press. 2011

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết		Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
		LT	TH		
1	**Part 1: Before the trip** **Lesson 1:** **Planning your trip** **Lesson 2:** **Confirming your flight** - Trình bày từ vựng chỉ những vật dụng và cách đặt vé và xác nhận về chuyến bay của mình. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ chỉ các đồ dùng cần thiết. - Hội thoại khi đặt vé/đặt phòng cho chuyến đi. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises	3	2	**Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, phát vấn.** **- Giảng viên:** + Giải thích bày các cụm từ chỉ những vật dụng và cách đặt vé cho chuyến đi, xác nhận chuyến bay, đổi chuyến bay,… + Giao bài tập cho cá nhân, và các nhóm. + Nêu vấn đề và trao đổi trước cùng sinh viên. + Chữa bài cho sinh viên. **- Sinh viên:** + Tìm hiểu về cách đặt vé/đặt phòng/xin visa. + Trả lời câu hỏi, giải quyết các vấn đề. + Hoàn thành các bài tập từ trang 9 đến trang 11 tài liệu [1]. + Đọc và hoàn thành nội dung bài 1 trang 4 tài liệu [2]. + Hoàn thành bài tập trang 17 tài liệu [1]. + Đọc và hoàn thành nội dung bài 2 trang 12 tài liệu [2].	CĐR1.1, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
2	**Part 2: At the airport** **Lesson 3:**	3	2	**Thuyết trình, đặt vấn đề, phát vấn, trực quan, giảng giải nội dung bài học.**	CĐR1.1, CĐR2.2

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết		Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
		LT	TH		
	Departure procedures **Lesson 4:** **Boarding the plane** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các cụm từ dùng trước và trong khi chuyến bay khởi hành. - Hiểu và sử dụng thành thạo các cụm từ cụm từ dùng trước và trong khi chuyến bay khởi hành. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises			**- Giảng viên:** + Phát âm mẫu các từ vựng. + Hướng dẫn sinh viên nghe và nói sử dụng các từ vựng trong bài. **- Sinh viên:** + Liệt kê các từ vựng + Thực hành các đoạn hội thoại + Hoàn thành bài tập trang 24, 25 tài liệu [1]. + Đọc và hoàn thành nội dung bài 3 trang 20 tài liệu [2]. + Hoàn thành bài tập trang 30, 31 Tài liệu [1]. + Đọc và hoàn thành nội dung bài 4 trang 28 tài liệu [2].	, CĐR3.1 , CĐR3.2 , CĐR3.3 , CĐR3.4 .
3	**Part 3: Being on board** **Lesson 5: Before take off** **Lesson 6:** **During the flight** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ và cụm từ sử dụng trước và sau khi khi máy bay cất cánh - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ và cụm từ liên quan trước và sau khi máy bay cất cánh **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises	3	2	**Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, giảng giải nội dung trong bài học.** **- Giảng viên:** + Nêu từ vựng + Giải thích các cấu trúc, các từ vựng sử dụng trước và sau khi máy bay cất cánh + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm trong lớp. + Chữa bài cho sinh viên. **- Sinh viên:** + Liệt kê các từ vựng về chủ đề trong bài học + Hoàn thành bài tập trang 37 tài liệu [1]. + Đọc và hoàn thành nội dung bài 5 trang 36 tài liệu [2]. + Hoàn thành bài tập trang 43 Tài liệu [1].	CĐR1.1 , CĐR2.1 , CĐR2.2 , CĐR2.3 , CĐR3.1 , CĐR3.2 , CĐR3.3 , CĐR3.4 .

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết		Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
		LT	TH		
				+ Đọc và hoàn thành nội dung bài 6 trang 44 tài liệu [2].	
4	**Part 3:** **Lesson 7: Before landing** **Lesson 8: Going through immigration** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng sử dụng trước khi máy bay cất cánh và hạ cánh, các thủ tục nhập cảnh. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng được dùng trước khi máy bay cất cánh và hạ cánh, các thủ tục nhập cảnh. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises	3	2	**Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, phát vấn kết hợp với trực quan giảng giải nội dung bài học.** **- Giảng viên:** + Giải thích các từ vựng trong bài học + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. **- Sinh viên:** + Liệt kê toàn bộ từ vựng trong bài học. + Hoàn thành bài tập trang 50, 51 tài liệu [1]. + Đọc và hoàn thành nội dung bài 7 trang 60 tài liệu [2].	CĐR1.1, CĐR2.1, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
5	**Part 4: Arrival** **Lesson 9:** **Airport Services** **Lesson 10: Cheking in** **Mục tiêu bài:** - Trình bày từ vựng sử dụng khi thực hiện các thủ tục nhập cảnh và liên quan đến các dịch vụ tại sân bay. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ sử dụng khi làm thủ tục nhập cảnh và liên quan đến các dịch vụ	3	2	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải nội dung bài học.** **- Giảng viên:** + Giải thích các từ vựng liên quan + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân, các nhóm. + Chữa bài cho sinh viên. **- Sinh viên:** + Tìm hiểu các từ vựng trong bài học.	CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết		Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
		LT	TH		
	tại sân bay. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises			+ Hoàn thành bài tập trang 58, 59 Tài liệu [1]. + Trả lời câu hỏi dựa vào gợi ý của giảng viên. + Đọc và hoàn thành nội dung bài 8 trang 68 tài liệu [2]. + Hoàn thành các bài tập trang 67 Tài liệu [1]. + Đọc và hoàn thành nội dung bài 9 trang 76 tài liệu [2].	CĐR3.4.
6	**Part 5: Accommadation** **Lesson 11: Using hotel services and facilities** **Lesson 12: Checking out** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng liên quan đến thủ tục check-in, check-out, sử dụng các dịch vụ tại khách sạn/ nhà hàng. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng liên quan đến thủ tục check-in, check out, sử dụng các dịch vụ tại khách sạn. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises	3	2	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.** **- Giảng viên:** + Giải thích các từ vựng liên quan đến thủ tục check-in,check out và sử dụng các dịch vụ tại khách sạn. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập thực hành nói cho cá nhân. + Chữa bài cho sinh viên. **- Sinh viên:** + Tìm hiểu các từ vựng về chủ đề liên quan đến thủ tục check-in + Hoàn thành các bài tập mục tang 74, 75 tài liệu [1]. + Đọc và hoàn thành nội dung bài 10 trang 84 tài liệu [2]. + Hoàn thành bài tập trang 83 tài liệu [1]. + Đọc và hoàn thành nội dung bài 11 trang 92 tài liệu [2]. + Hoàn thành bài tập trang 88, 89 tài liệu [1].	CĐR1.1, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết		Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
		LT	TH		
				+ Đọc và hoàn thành nội dung bài 12 trang 100 tài liệu [2].	
7	**Part 6: Transportation** **Lesson 13: Taking a taxi** **Lesson 14:** **Taking the bus** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng khi muốn sử dụng dịch vụ taxi và xe buýt. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises	3	2	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải nội dung bài học.** **- Giảng viên:** + Giảng giải cách sử dụng các từ vựng sử dụng khi muốn gọi taxi, di chuyển bằng xe buýt. + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. **- Sinh viên:** + Tìm hiểu về các từ vựng trong bài học + Hoàn thành bài tập trang 95 tài liệu [2]. + Tìm hiểu từ vựng phần glossary trang 137-143 tài liệu [2]. + Hoàn thành bài tập trang 101 tài liệu [1]. + Tìm hiểu từ vựng phần glossary trang 137-143 tài liệu [2].	CĐR1.1, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
8	**Part 6:** **Lesson 15: Taking the train or the subway** **Lesson 16: Renting a car** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng khi sử dụng phương tiện giao thông như tàu hỏa hoặc tàu điện ngầm, thuê xe ô tô, các loại xe và các biển báo. - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng khi sử dụng phương tiện giao	3	2	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.** **- Giảng viên:** + Giảng giải cách sử dụng các từ vựng khi sử dụng phương tiện giao thông như tàu hỏa hoặc tàu điện ngầm + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. **- Sinh viên:** + Liệt kê các tính từ vựng trong bài học	CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết		Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
		LT	TH		
	thông như tàu hỏa hoặc tàu điện ngầm, thuê xe ô tô, các loại xe và các biển báo. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises **Midterm- test**			+ Hoàn thành bài tập trang 109 tài liệu [1]. + Tìm hiểu từ vựng phần glossary trang 137-143 tài liệu [2]. + Liệt kê các các từ vựng liên quan đến thuê xe ô tô, các loại xe và các biển báo. + Vận dụng đoạn hội thoại trong các tình huống có thể xảy ra khi lái xe. + Hoàn thành bài tập trang 116, 117 tài liệu [1]. +Tìm hiểu từ vựng phần glossary trang 137-143 tài liệu [2].	CĐR3.4.
9	**Part 7:** **Lesson 17: Making Restaurant Reservations** **Lesson 18:** **Ordering a meal** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng liên quan đến đặt chỗ, gọi món trong nhà hàng - Hiểu và sử dụng thành thạo các từ vựng liên quan đến đặt chỗ đặt chỗ, gọi món trong nhà hàng **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises	3	2	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.** **- Giảng viên:** + Giảng giải cách sử dụng từ vựng liên quan đến **đặt chỗ, gọi món trong nhà hàng.** + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. **- Sinh viên:** + Liệt kê các tính từ vựng liên quan đến nhà hàng, các món ăn + Vận dụng đoạn hội thoại trong các tình huống tại nhà hàng + Hoàn thành bài tập trang 123 + Vận dụng thực hành gọi món trong nhà hàng + Hoàn thành bài tập trang 130, 131	CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
10	**Part 7:** **Lesson 19: Problems and requests while dinning**		2 (2LT, 0TH	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.** **- Giảng viên:**	CĐR1.2, CĐR2.1

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết		Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
		LT	TH		
	Lesson 20: Paying the bill **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng liên quan đến nhà hàng và các yêu cầu trong khi dùng bữa tại nhà hàng và thanh toán tại nhà hàng. - Hiểu và sử dụng thành thạo từ vựng liên quan đến nhà hàng và các yêu cầu trong khi dùng bữa tại nhà hàng và thanh toán hóa đơn tại nhà hàng **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises		)	+ Giảng giải cách sử dụng các từ vựng liên quan đến nhà hàng và các yêu cầu trong khi dùng bữa tại nhà hàng + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. **- Sinh viên:** + Liệt kê các từ vựng trong bài học + Vận dụng đưa ra lời nhận xét với các món ăn, đưa ra yêu cầu + Hoàn thành bài tập trang 136, 137 + Hoàn thành bài tập trang 141	, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
11	**Part 7:** **Lesson 21: Eating at a Fast-food restaurant** **Lesson 22:** **Clothes and shoes** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng về tên các đồ ăn nhanh, tên trang phục và phụ kiện. - Hiểu và sử dụng thành thạo từ vựng liên quan đến đồ ăn nhanh, tên gọi các loại trang phục và phụ kiện quen thuộc. - Biết cách gọi món tại nhà hàng/ khách sạn. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary	3	2	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.** **- Giảng viên:** + Giảng giải cách sử dụng các từ vựng liên quan đến đồ ăn nhanh, cách gọi món. + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. **- Sinh viên:** + Liệt kê tên các đồ ăn nhanh, các đồ dùng tại cửa hàng đồ ăn nhanh + Hoàn thành bài tập trang 147 tài liệu số [1].	CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết		Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
		LT	TH		
	2. Useful expressions 3. Exercises				
12	**Part 8: Shopping** **Lesson 23:** **Jewelry and accessories** **Lesson 24: Cosmetics** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng liên quan đến trang phục, giày dép, trang sức và phụ kiện quen thuộc. - Hiểu và sử dụng thành thạo từ vựng liên quan đến trang phục, giày dép. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises	3	2	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.** **- Giảng viên:** + Giảng giải cách sử dụng các từ vựng liên quan đến trang phục, giày dép + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. **- Sinh viên:** + Liệt kê các từ vựng tên của các trang phục, quần áo + Vận dụng các tình huống xảy ra tại cửa hàng quần áo + Hoàn thành bài tập trang 155 tài liệu số [1]. + Thực hành các đoạn hội thoại đi mua các món đồ như đồng hồ, kính mắt,… + Hoàn thành bài tập trang 161 tài liệu [1].	CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
13	**Part 8:** **Lesson 25:** **Electronic appliances** **Lesson 26: Sightseeing** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng liên quan đến các đồ dùng mỹ phẩm, các món đồ điện, đồ điện tử,… - Hiểu và sử dụng thành thạo từ vựng liên quan đến các đồ dùng mỹ phẩm, các món đồ điện, đồ điện tử,…		2 (2LT, 0TH)	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.** **- Giảng viên:** + Giảng giải cách sử dụng các từ vựng liên quan đến các đồ dùng mỹ phẩm, các món đồ điện, đồ điện tử,… + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. **- Sinh viên:** + Liệt kê các từ vựng trong bài học liên quan đến đồ dùng trang	CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết		Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
		LT	TH		
	Nội dung cụ thể: 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises			điểm, đồ dùng chăm sóc da,… + Thực hành các đoạn hộ thoại đi mua các món đồ như đồ trang điểm,… + Hoàn thành bài tập trang 167 tài liệu [1]. + Thực hành các đoạn hộ thoại đi mua các món đồ như máy ảnh, máy tính. + Hoàn thành bài tập trang 173 tài liệu [1].	CĐR3.4.
14	**Part 9:** **Lesson 27:** **Cultural events** **Lesson 28:** **Amusement parks** **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng liên quan đến các cuộc tham quan các sự kiện văn hóa, công viên giải trí. - Hiểu và sử dụng thành thạo từ vựng liên quan đến các cuộc tham quan, các sự kiện văn hóa, các chương trình biểu diễn. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises		2 (2LT, 0TH)	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.** **- Giảng viên:** + Giảng giải cách sử dụng các từ vựng liên quan đến các cuộc đi tham quan, các sự kiện văn hóa, các chương trình biểu diễn. + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. **- Sinh viên:** + Liệt kê các từ vựng trong bài học + Vận dụng đặt các cấu hỏi liên quan đến chuyến tham quan + Hoàn thành bài tập trang 179 + Vận dụng đặt các câu hỏi liên quan đến các sự kiện văn hóa, bảo tàng, chương trình biểu diễn,… + Hoàn thành bài tập trang 186, 187 tài liệu [1]	CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
15	**Part 9:** **Lesson 29: Attending a Sporting event** **Lesson 30: Casinos and**		2 (2LT, 0TH)	**Thuyết trình, phát vấn kết hợp với trực quan, giảng giải ví dụ.** **- Giảng viên:** + Giảng giải cách sử dụng các từ	CĐR1.2, CĐR2.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết		Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
		LT	TH		
	nightclubs **Mục tiêu bài:** - Trình bày các từ vựng liên quan đến công viên giải trí, một buổi tham dự sự kiện thể thao, các sòng bạc và các câu lạc bộ ban đêm. - Hiểu và sử dụng thành thạo từ vựng liên quan đến công viên giải trí, cách hỏi thông tin và cách mua vé, một buổi tham dự sự kiện thể thao, các sòng bạc và các câu lại bộ buổi đêm. **Nội dung cụ thể:** 1. Vocabulary 2. Useful expressions 3. Exercises			vựng liên quan đến công viên giải trí, cách hỏi thông tin và cách mua vé**, một buổi tham dự sự kiện thể thao, các sòng bạc và các câu lại bộ buổi đêm.** + Lấy ví dụ giúp sinh viên nắm được từ vựng và lấy được ví dụ minh họa. **- Sinh viên:** + Liệt kê các từ vựng trong bài học + Vận dụng hỏi và trả lời các vấn đề liên quan khi đến công viên giải trí. + Hoàn thành bài tập trang 193 + Vận dụng hỏi và trả lời các thông tin về sự kiện thể thao, cách mua vé. + Hoàn thành bài tập trang 199 tài liệu [1]. + Thực hành hỏi và trả lời thông tin về câu lạc bộ buổi đêm + Hoàn thành bài tập trang 205 tài liệu [1].	CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

Hải Dương, ngày 09 tháng 08 năm 2022

KT.HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Nguyễn Đăng Tiến	Trịnh Thị Chuyên